



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHOA 88, NGÀY 23/7/2023

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 101B4	7h00	8h15	28
02	Phòng 102B4	7h00	8h15	28
03	Phòng 103B4	7h00	8h15	28
04	Phòng 104B4	7h00	8h15	28
05	Phòng 201B4	7h00	8h15	30
06	Phòng 202B4	7h00	8h15	30
07	Phòng 203B4	7h00	8h15	26
08	Phòng 204B4	7h00	8h15	30
09	Phòng 205B4	7h00	8h15	24
10	Phòng 206B4	7h00	8h15	30+23

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	001	0021411106	Lê Thị Thuý An	Nữ	Kinh	15/11/2003	Tiền Giang				
2	002	0021410017	Võ Thị Mỹ An	Nữ	Kinh	21/8/2003	Tiền Giang				
3	003	0017310057	Bùi Kiều Anh	Nữ	Kinh	21/4/1999	An Giang				
4	004	0022410736	Cao Phan Vân Anh	Nữ	Kinh	27/6/2004	Đồng Tháp				
5	005	0022412626	Lã Phương Anh	Nữ	Kinh	17/10/2004	Nam Định				
6	006	0020410070	Lê Nguyễn Hoàng Anh	Nam	Kinh	29/5/2002	Đồng Tháp				
7	007	0021411124	Ngô Kiều Anh	Nữ	Kinh	13/11/2003	Đồng Tháp				
8	008	0021412050	Nguyễn Quốc Anh	Nam	Kinh	18/10/2003	Đồng Tháp				
9	009	0020410122	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	Nữ	Kinh	16/11/2002	Đồng Tháp				
10	010	0022411745	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	Kinh	06/11/2004	Đồng Tháp				
11	011	0022410768	Trần Nguyễn Nguyệt Anh	Nữ	Kinh	09/5/2004	Bến Tre				
12	012	0020410012	Trần Thùy Anh	Nữ	Kinh	22/5/2001	Vĩnh Long				
13	013	0021412080	Phan Thị Ngọc Ánh	Nữ	Kinh	13/6/2003	Bến Tre				
14	014	0022411493	Hồ Băng Băng	Nữ	Kinh	23/9/2003	Đồng Tháp				
15	015	0021413697	Huỳnh Ngọc Bích	Nữ	Kinh	05/5/2003	Đồng Tháp				
16	016	0020410410	Nguyễn Thị Bích	Nữ	Kinh	16/4/2002	Đồng Tháp				
17	017	087099006923	Hồ Thanh Bình	Nam	Kinh	20/12/1999	Đồng Tháp				
18	018	0020410279	Lê Thị Chấm	Nữ	Kinh	19/01/2002	Đồng Tháp				
19	019	0021410071	Nguyễn Lê Kim Chi	Nữ	Kinh	21/8/2002	Đồng Tháp				
20	020	0020410675	Phan Thị Mỹ Chi	Nữ	Kinh	09/10/2002	Đồng Tháp				
21	021	0021413804	Trần Thị Mai Chi	Nữ	Kinh	01/9/2003	Vĩnh Long				
22	022	087096003291	Nguyễn Quốc Cường	Nam	Kinh	10/9/1996	Đồng Tháp				
23	023	0021410080	Võ Quốc Cường	Nam	Kinh	20/12/2003	Đồng Tháp				
24	024	0020410452	Phạm Nguyễn Hải Đăng	Nam	Kinh	05/9/2002	Đồng Tháp				
25	025	0021411179	Nguyễn Hồng Đào	Nữ	Kinh	23/8/2003	Đồng Tháp				
26	026	0020410280	Nguyễn Thị Hồng Đào	Nữ	Kinh	28/10/1998	Đồng Tháp				
27	027	0021412185	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	Kinh	13/01/2003	Đồng Tháp				
28	028	0021412190	Trương Thị Huỳnh Điệp	Nữ	Kinh	08/6/2003	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	029	0020410878	Phan Thị Hồng Diệu	Nữ	Kinh	02/10/2002	Đồng Tháp				
2	030	0020410753	Đoàn Thị Ánh Du	Nữ	Kinh	22/9/2002	Đồng Tháp				
3	031	0022411424	Lê Thị Thuý Dương	Nữ	Kinh	16/7/2004	Đồng Tháp				
4	032	0021310004	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	10/4/2003	Đồng Tháp				
5	033	0021410145	Lê Thị Yên Duy	Nữ	Kinh	07/9/2003	Đồng Tháp				
6	034	0020410278	Nguyễn Đức Duy	Nam	Kinh	09/3/2002	Đồng Tháp				
7	035	0021412254	Nguyễn Khánh Duy	Nam	Kinh	06/10/2003	Long An				
8	036	0021410149	Nguyễn Thanh Duy	Nam	Kinh	27/5/2003	Đồng Tháp				
9	037	0021411241	Huỳnh Thị Kim Duyên	Nữ	Kinh	31/12/2003	Tiền Giang				
10	038	0022411330	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	18/11/2004	Đồng Tháp				
11	039	0020410895	Huỳnh Thị Hồng Gấm	Nữ	Kinh	15/02/2002	Đồng Tháp				
12	040	0021310009	Huỳnh Thị Giàu	Nữ	Kinh	02/4/2001	Đồng Tháp				
13	041	0021410190	Võ Thị Ngọc Giàu	Nữ	Kinh	15/01/2003	Đồng Tháp				
14	042	0021411262	Hà Ngọc Hải	Nam	Kinh	18/3/2003	Đồng Tháp				
15	043	087068004899	Nguyễn Thanh Hải	Nam	Kinh	05/6/1968	Đồng Tháp				
16	044	0022410784	Lê Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	11/9/2004	Đồng Tháp				
17	045	0021412338	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	13/4/2003	Vĩnh Long				
18	046	0019310005	Tô Ngọc Hân	Nữ	Kinh	26/7/2001	Đồng Tháp				
19	047	0021412342	Trần Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	04/4/2003	Đồng Tháp				
20	048	0021410214	Văn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	20/12/2003	Đồng Tháp				
21	049	0022412671	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	Kinh	17/02/2004	An Giang				
22	050	0021412373	Nguyễn Thành Hậu	Nam	Kinh	23/02/2003	Long An				
23	051	0020410939	Bùi Đào Như Hiền	Nữ	Kinh	15/11/2002	Đồng Tháp				
24	052	0021412378	Phan Thị Thu Hiền	Nữ	Kinh	02/02/2003	Đồng Tháp				
25	053	0020411015	Trương Thị Thúy Hiền	Nữ	Kinh	31/5/2002	Đồng Tháp				
26	054	0021412390	Trương Mỹ Hoa	Nữ	Kinh	14/02/2003	Đồng Tháp				
27	055	0020411213	Ngô Văn Hoài	Nam	Kinh	10/5/2002	Bến Tre				
28	056	0021412400	Phan Huy Hoàng	Nam	Kinh	05/5/2003	Đồng Nai				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	057	0022410766	Nguyễn Diễm Hương	Nữ	Kinh	27/12/2004	Đồng Tháp				
2	058	0021310012	Nguyễn Xuân Hương	Nữ	Kinh	15/12/2002	Đồng Tháp				
3	059	0021410275	Nguyễn Chí Hữu	Nam	Kinh	10/11/2003	Đồng Tháp				
4	060	0021310015	Hồ Thị Huỳnh	Nữ	Kinh	03/12/2002	Đồng Tháp				
5	061	0022410537	Phan Thị Thúy Huỳnh	Nữ	Kinh	26/4/2004	Đồng Tháp				
6	062	0020411024	Cao Duy Khang	Nam	Kinh	30/8/2002	Sóc Trăng				
7	063	0021412484	Lâm Nguyễn Duy Khang	Nam	Kinh	01/12/2003	Bến Tre				
8	064	0015410749	Phạm Hoàng Khang	Nam	Kinh	19/01/1997	Long An				
9	065	0020410277	Nguyễn Ngọc Nguyên Khánh	Nữ	Kinh	24/10/2002	Đồng Tháp				
10	066	0021411380	Nguyễn Quốc Đăng Khoa	Nam	Kinh	18/11/2003	Đồng Tháp				
11	067	0021412518	Phan Đăng Khoa	Nam	Kinh	18/11/2003	Đồng Tháp				
12	068	0021410339	Phạm Trung Kiên	Nam	Kinh	26/3/2003	Đồng Tháp				
13	069	0021411390	Lê Anh Kiệt	Nam	Kinh	30/6/2003	Đồng Tháp				
14	070	0021410347	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	03/8/2003	Đồng Tháp				
15	071	0021410349	Võ Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	22/9/2003	An Giang				
16	072	0022410244	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Nữ	Kinh	02/4/2004	Đồng Tháp				
17	073	0021412547	Bạch Thiên Kim	Nữ	Kinh	19/11/2003	Đồng Tháp				
18	074	0021310017	Nguyễn Ngọc Lắm	Nữ	Kinh	25/12/2003	Đồng Tháp				
19	075	0022410563	Bùi Thị Hương Lan	Nữ	Kinh	04/6/2004	Đồng Tháp				
20	076	0021310018	Nguyễn Thị Mỹ Lan	Nữ	Kinh	26/10/1999	Cần Thơ				
21	077	0021412561	Trần Thị Kim Lan	Nữ	Kinh	26/7/2003	Đồng Tháp				
22	078	0018410407	Trần Thị Hồng Lê	Nữ	Kinh	24/5/2000	Đồng Tháp				
23	079	0021412568	Trần Nguyễn Thanh Liêm	Nam	Kinh	14/11/2003	Đồng Tháp				
24	080	0021310021	Đoàn Thị Linh	Nữ	Kinh	31/7/1999	Đồng Tháp				
25	081	0021310092	Nguyễn Trần Ngọc Linh	Nữ	Kinh	06/10/2003	Đồng Tháp				
26	082	0020410029	Nguyễn Vũ Linh	Nam	Kinh	09/01/2002	Đồng Tháp				
27	083	0019410730	Trần Ái Linh	Nữ	Kinh	27/11/2001	Đồng Tháp				
28	084	0022411517	Bùi Thị Kim Loan	Nữ	Kinh	25/01/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	085	0021310022	Nguyễn Thị Loan	Nữ	Kinh	10/5/2002	Đồng Tháp				
2	086	0021410396	Phạm Thị Tuyết Loan	Nữ	Kinh	16/8/2003	Đồng Tháp				
3	087	0020410184	Võ Thị Tuyết Loan	Nữ	Kinh	01/9/2001	An Giang				
4	088	0022412466	Nguyễn Thanh Long	Nam	Kinh	25/4/2004	Đồng Tháp				
5	089	0021413723	Trần Hoàng Kim Long	Nam	Kinh	09/9/2003	TP HCM				
6	090	0022410860	Nguyễn Thị Trúc Ly	Nữ	Kinh	29/9/2004	Đồng Tháp				
7	091	0021410412	Hà Thị Xuân Mai	Nữ	Kinh	19/10/2003	Đồng Tháp				
8	092	0020410207	Nguyễn Lê Xuân Mai	Nữ	Kinh	14/10/2002	Vĩnh Long				
9	093	0020410258	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	Kinh	24/8/2002	Đồng Tháp				
10	094	0021412672	Lê Hồ Khắc Minh	Nam	Kinh	27/11/2003	Vĩnh Long				
11	095	0015411152	Ngô Nhật Minh	Nam	Kinh	22/6/1997	Bến Tre				
12	096	0021412680	Bùi Thị Diễm My	Nữ	Kinh	02/3/2003	Đồng Tháp				
13	097	0021310078	Nguyễn Thảo My	Nữ	Kinh	18/9/2003	TP HCM				
14	098	0021410443	Võ Lê Diễm My	Nữ	Kinh	08/4/2003	Đồng Tháp				
15	099	0021410449	Trần Ngọc Mỹ	Nữ	Kinh	21/11/2003	Bến Tre				
16	100	0017411125	Trần Thị Lê Na	Nữ	Kinh	08/7/1997	Trà Vinh				
17	101	0022412478	Đinh Gia Hoàng Nam	Nam	Kinh	29/12/2004	Tiền Giang				
18	102	0020410422	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	20/9/2002	Bến Tre				
19	103	0021410476	Mai Kim Ngân	Nữ	Kinh	15/4/2002	Đồng Tháp				
20	104	0020410748	Ngô Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	07/6/2002	An Giang				
21	105	0021411498	Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	Kinh	11/8/2003	Đồng Tháp				
22	106	0020410047	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	06/5/2002	Đồng Tháp				
23	107	0020411037	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	Nữ	Kinh	30/11/2002	Đồng Tháp				
24	108	0021310095	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	10/6/2003	Đồng Tháp				
25	109	0022411373	Trương Thị Bé Ngân	Nữ	Kinh	29/9/2003	Bến Tre				
26	110	0020410970	Lâm Nguyễn Bảo Nghi	Nữ	Kinh	29/3/2002	Đồng Tháp				
27	111	0021411517	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	Nữ	Kinh	28/4/2003	TP HCM				
28	112	0022412445	Phạm Trần Gia Nghi	Nữ	Kinh	02/6/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	113	0022412679	Tô Huỳnh Mẫn	Nghi	Nữ	Kinh	08/11/2003	Đồng Tháp				
2	114	0021411527	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	Kinh	11/10/2003	Đồng Tháp				
3	115	0021412763	Phan Hữu	Nghĩa	Nam	Kinh	28/01/2003	Đồng Tháp				
4	116	0021412771	Dương Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	Kinh	16/8/2003	Đồng Tháp				
5	117	0022411324	Huỳnh Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	05/01/2004	Đồng Tháp				
6	118	0020410539	Lê Minh	Ngọc	Nữ	Kinh	14/02/2000	An Giang				
7	119	0021410521	Lê Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	Kinh	30/12/2003	Đồng Tháp				
8	120	0022412446	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	06/3/2004	Sóc Trăng				
9	121	0022411271	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	Kinh	04/11/2004	Đồng Tháp				
10	122	0021410526	Nguyễn Phan Bích	Ngọc	Nữ	Kinh	08/8/2003	Đồng Tháp				
11	123	0020410469	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	Kinh	01/02/2002	Bến Tre				
12	124	0021410527	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	Kinh	12/9/2003	Đồng Tháp				
13	125	0021412785	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	Kinh	10/11/2003	Đồng Tháp				
14	126	087301009880	Phan Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	23/6/2001	Đồng Tháp				
15	127	087179002719	Trần Kim	Ngọc	Nữ	Kinh	30/8/1979	Đồng Tháp				
16	128	0022411043	Trần Thị Kim	Nguyên	Nữ	Kinh	15/3/2004	Đồng Tháp				
17	129	0020410640	Phan Nhật	Nguyễn	Nam	Kinh	02/02/2002	Hậu Giang				
18	130	0019410848	Lê Công	Nhật	Nam	Kinh	22/12/2001	Đồng Tháp				
19	131	0021410573	Đặng Thị Kim	Nhi	Nữ	Kinh	11/01/2003	Đồng Tháp				
20	132	0020410432	Đinh Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	10/6/2002	Đồng Tháp				
21	133	0021310033	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	10/6/2003	Đồng Tháp				
22	134	0021411579	Lê Dương Ngọc	Nhi	Nữ	Kinh	29/11/2003	Đồng Tháp				
23	135	0020411146	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	07/11/2001	Đồng Tháp				
24	136	0021412876	Nguyễn Hoàng Ngọc	Nhi	Nữ	Kinh	02/02/2003	Long An				
25	137	0021410597	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	19/12/2003	Đồng Tháp				
26	138	0021310082	Đặng Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	15/11/2003	Đồng Tháp				
27	139	0020410016	Huỳnh Thị Yến	Như	Nữ	Kinh	14/9/2002	Đồng Tháp				
28	140	0021410622	Lê Lâm Khánh	Như	Nữ	Kinh	08/10/2003	Vĩnh Long				
29	141	0020410168	Lê Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	01/10/2001	Đồng Tháp				
30	142	0021412911	Lê Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	30/8/2003	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	143	0021413846	Nguyễn Thị Ngọc	Như	Nữ	Kinh	19/01/2003	Bến Tre				
2	144	0021412930	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	12/7/2003	Đồng Tháp				
3	145	0021410641	Phan Tổ	Như	Nữ	Kinh	04/9/2003	Bến Tre				
4	146	0021411619	Võ Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	05/02/2003	Tiền Giang				
5	147	0021410649	Lương Thị Phi	Nhung	Nữ	Kinh	05/4/2003	Bến Tre				
6	148	0020410027	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	Kinh	25/10/2002	Đồng Tháp				
7	149	0021412987	Nguyễn Trọng	Phi	Nam	Kinh	15/4/2003	Tây Ninh				
8	150	0022411961	Lê Tấn	Phúc	Nam	Kinh	22/02/2004	Bến Tre				
9	151	0022411095	Nguyễn Đặng Hoàng	Phúc	Nam	Kinh	13/4/2004	An Giang				
10	152	0020410865	Nguyễn Lê Hữu	Phúc	Nam	Kinh	09/5/2002	Đồng Tháp				
11	153	0021410704	Trần Ngọc	Phượng	Nữ	Kinh	11/11/2002	Đồng Tháp				
12	154	0021410715	Phan Nguyễn Phú	Quý	Nam	Kinh	09/02/2003	Đồng Tháp				
13	155	0018410907	Nguyễn Thị Tố	Quyên	Nữ	Kinh	09/7/2000	Đồng Tháp				
14	156	0021410731	Nguyễn Thị Tú	Quyên	Nữ	Kinh	01/01/2003	Đồng Tháp				
15	157	0020410129	Lương Thị Thuý	Quỳnh	Nữ	Kinh	27/9/2002	Đồng Tháp				
16	158	0022412538	Nguyễn Vũ	Quỳnh	Nữ	Kinh	07/3/2004	Đồng Nai				
17	159	0022410328	Võ Thị Ngọc	Rạng	Nữ	Kinh	28/6/2001	Đồng Tháp				
18	160	0022411353	Nguyễn Hồng	Son	Nam	Kinh	15/8/2004	Đồng Tháp				
19	161	042079007361	Nguyễn Xuân	Tám	Nam	Kinh	18/5/1979	Hà Tĩnh				
20	162	0022411521	Trần Nguyễn Hoàng	Tấn	Nam	Kinh	08/11/2004	Đồng Tháp				
21	163	0021410779	Nguyễn Trọng	Thâm	Nam	Kinh	14/11/2003	Đồng Tháp				
22	164	087186001650	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	17/9/1986	Đồng Tháp				
23	165	0018410773	Trần Đoàn Anh	Thắng	Nam	Kinh	24/7/2000	An Giang				
24	166	0020410079	Hồ Lê Xuân	Thanh	Nữ	Kinh	27/6/2000	Đồng Tháp				
25	167	0022411003	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	Kinh	13/5/2004	Vĩnh Long				
26	168	0020410283	Trương Thị Phước	Thanh	Nữ	Kinh	15/4/2001	Đồng Tháp				
27	169	0022412409	Bùi Võ	Thành	Nam	Kinh	11/6/2004	Đồng Tháp				
28	170	0021413164	Dương Xuân	Thành	Nam	Kinh	05/10/2003	Đồng Tháp				
29	171	0022410520	Nguyễn Thị Kim	Thao	Nữ	Kinh	08/12/2004	Đồng Tháp				
30	172	0022410897	Lê Thị Kim	Thảo	Nữ	Kinh	10/02/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	173	0021410812	Nguyễn Ngọc Lan	Thảo	Nữ	Kinh	15/3/2003	Đồng Tháp				
2	174	0020410889	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	04/10/2002	Đồng Tháp				
3	175	0017310032	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	Kinh	26/02/1996	Đồng Tháp				
4	176	0021413216	Nguyễn Hoàn	Thiên	Nam	Kinh	26/10/2003	Đồng Tháp				
5	177	0022410540	Võ Trần Thuận	Thiên	Nam	Kinh	02/5/2004	Đồng Tháp				
6	178	0021410841	Võ Đình	Thiện	Nam	Kinh	19/10/2003	Đồng Tháp				
7	179	0020410749	Đường Hoàng	Thịnh	Nam	Kinh	11/8/2002	An Giang				
8	180	0021410843	Võ Đình	Thịnh	Nam	Kinh	19/10/2003	Đồng Tháp				
9	181	0020410752	Nguyễn Thị Nhã	Thơ	Nữ	Kinh	16/10/2002	Đồng Tháp				
10	182	0020410720	Lê Đặng Kim	Thoa	Nữ	Kinh	18/01/2001	Bến Tre				
11	183	0021413241	Nguyễn Thanh	Thoại	Nam	Kinh	03/01/2003	Đồng Tháp				
12	184	0022410749	Đình Võ Anh	Thư	Nữ	Kinh	24/9/2004	Đồng Tháp				
13	185	0022411252	Hồ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	Kinh	21/11/2004	Đồng Tháp				
14	186	0021410858	Lê Anh	Thư	Nữ	Kinh	12/8/2003	Cà Mau				
15	187	0022410254	Lưu Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	24/01/2004	Đồng Tháp				
16	188	0020410009	Lý Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	18/6/2002	Đồng Tháp				
17	189	0020410879	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	Kinh	24/8/2002	Đồng Tháp				
18	190	0022411275	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	Kinh	02/4/2004	Đồng Tháp				
19	191	0020410533	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	08/4/2002	Cần Thơ				
20	192	0020410021	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	07/6/2002	Đồng Tháp				
21	193	087195015688	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	21/8/1995	Đồng Tháp				
22	194	0021411801	Trần Huỳnh Anh	Thư	Nữ	Kinh	04/10/2003	Đồng Tháp				
23	195	0021413292	Võ Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	17/8/2003	Bến Tre				
24	196	0022411380	Nguyễn Văn	Thừa	Nam	Kinh	31/7/2004	Tiền Giang				
25	197	0021410892	Võ Minh	Thuận	Nam	Kinh	19/01/2003	Đồng Tháp				
26	198	066195018345	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	Kinh	26/6/1995	Hà Tĩnh				

Tổng số thí sinh: 26

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	199	0021310103	Lục Thị Thu	Thủy	Nữ	Kinh	15/12/2003	Đồng Tháp				
2	200	0021410898	Nguyễn Thị Phương	Thủy	Nữ	Kinh	11/5/2003	Đồng Tháp				
3	201	0022411374	Lê Hoàng Anh	Thúy	Nữ	Kinh	09/5/2004	Bến Tre				
4	202	0022412112	Lê Thị Diễm	Thúy	Nữ	Kinh	24/6/2004	Tiền Giang				
5	203	0022412678	Nguyễn Bích	Thùy	Nữ	Kinh	10/7/2004	An Giang				
6	204	0020410296	Đinh Thị Thu	Thủy	Nữ	Kinh	21/7/2000	Đồng Tháp				
7	205	0021413319	Châu Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	31/10/2003	Đồng Tháp				
8	206	087197003557	Lê Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	26/8/1997	Đồng Tháp				
9	207	0021410905	Nguyễn Ngọc Kiều	Tiên	Nữ	Kinh	26/8/2003	Đồng Tháp				
10	208	0021410911	Võ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	28/4/2003	Đồng Tháp				
11	209	0022410008	Đặng Công	Tiến	Nam	Kinh	29/12/2004	Long An				
12	210	0022412473	Huỳnh Minh	Tiến	Nam	Kinh	08/5/2004	Tiền Giang				
13	211	0021413349	Trần Thành	Tiến	Nam	Kinh	31/7/2003	Long An				
14	212	0021411830	Lê Văn	Tiền	Nam	Kinh	02/02/2003	Bến Tre				
15	213	0021413374	Phạm Thanh	Tòng	Nam	Kinh	30/01/2003	Tiền Giang				
16	214	0022411044	Phạm Hương	Trà	Nữ	Kinh	03/12/2004	Đồng Tháp				
17	215	0022410984	Bùi Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	02/01/2004	Đồng Tháp				
18	216	0020410236	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	21/3/2002	Đồng Tháp				
19	217	0020411078	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	27/3/2002	Đồng Tháp				
20	218	0021310057	Võ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	24/5/2002	Đồng Tháp				
21	219	0020410520	Đoàn Huyền	Trân	Nữ	Kinh	04/8/2002	Bến Tre				
22	220	0022411000	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	Kinh	17/3/2004	Đồng Tháp				
23	221	0022412681	Nguyễn Thị Thủy	Trân	Nữ	Kinh	28/9/2004	An Giang				
24	222	0021310062	Phạm Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	11/8/2003	Đồng Tháp				
25	223	0020411187	Trần Bảo	Trân	Nữ	Kinh	25/12/2002	Đồng Tháp				
26	224	087192021088	Trần Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	05/5/1992	Đồng Tháp				
27	225	0022410770	Trần Thị Quế	Trân	Nữ	Kinh	01/6/2003	Tiền Giang				
28	226	0022411284	Đinh Thị Thảo	Trang	Nữ	Kinh	13/8/2004	Đồng Tháp				
29	227	0014413089	Huỳnh Thị Kiều	Trang	Nữ	Kinh	11/6/1995	Đồng Tháp				
30	228	0021413434	Nguyễn Thị Diễm	Trang	Nữ	Kinh	20/02/2002	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	229	0021411862	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	Kinh	28/11/2003	Đồng Tháp				
2	230	087195015652	Phan Thị Huyền Trang	Nữ	Kinh	13/01/1995	Đồng Tháp				
3	231	0021413441	Trần Cẩm Trang	Nữ	Kinh	02/6/2003	Cà Mau				
4	232	0021410951	Trần Thị Thuý Trang	Nữ	Kinh	29/6/2003	Đồng Tháp				
5	233	0022411430	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	Kinh	20/8/2004	Đồng Tháp				
6	234	0021410957	Huỳnh Thị Cẩm Trinh	Nữ	Kinh	21/10/2003	Đồng Tháp				
7	235	0021413464	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Nữ	Kinh	23/11/2003	Đồng Tháp				
8	236	0021310064	Nguyễn Yến Trinh	Nữ	Kinh	13/10/2002	Đồng Tháp				
9	237	0022411484	Nguyễn Phước Trung	Nam	Kinh	27/6/2004	Đồng Tháp				
10	238	0020410013	Trịnh Xuân Trường	Nam	Kinh	17/4/2000	Kiên Giang				
11	239	0021413492	Dương Ngọc Tú	Nữ	Kinh	14/01/2003	Đồng Tháp				
12	240	0022410981	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	Kinh	26/10/2004	Đồng Tháp				
13	241	0021413503	Triệu Thị Cẩm Tú	Nữ	Kinh	16/01/2003	Đồng Tháp				
14	242	0021411906	Võ Thị Cẩm Tú	Nữ	Kinh	29/10/2003	Đồng Tháp				
15	243	0021413509	Huỳnh Lê Gia Tuệ	Nữ	Kinh	18/5/2003	Vĩnh Long				
16	244	0020411103	Huỳnh Hồng Tươi	Nữ	Kinh	07/7/2002	Đồng Tháp				
17	245	0022411226	Lương Thị Mỹ Tuyền	Nữ	Kinh	27/10/2004	Đồng Tháp				
18	246	087199009541	Lê Thị Bích Tuyền	Nữ	Kinh	11/11/1999	Đồng Tháp				
19	247	0020410043	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	Kinh	07/8/2002	An Giang				
20	248	0021310065	Phạm Thị Minh Tuyết	Nữ	Kinh	23/01/2002	Đồng Tháp				
21	249	0021413881	Bùi Phương Uyên	Nữ	Kinh	30/7/2003	Cần Thơ				
22	250	0021411924	Lê Nguyễn Hoàng Uyên	Nữ	Kinh	06/5/2002	Đồng Tháp				
23	251	0020410571	Nguyễn Thị Phương Uyên	Nữ	Kinh	17/8/2002	Đồng Tháp				
24	252	0021413546	Huỳnh Khánh Vân	Nữ	Kinh	30/11/2003	Bạc Liêu				

Tổng số thí sinh: 24

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	253	0021310067	Phạm Thị Bích Vân	Nữ	Kinh	27/02/2001	Đồng Tháp				
2	254	087300006221	Dương Thị Thủy Vi	Nữ	Kinh	16/10/2000	Đồng Tháp				
3	255	0020411014	Nguyễn Quốc Vinh	Nam	Kinh	12/3/2002	Bạc Liêu				
4	256	087097006267	Dương Hoàng Vũ	Nam	Kinh	19/11/1997	Đồng Tháp				
5	257	0021411950	Trần Quốc Vương	Nam	Kinh	19/8/2003	Đồng Tháp				
6	258	0020410983	Đặng Thị Tường Vy	Nữ	Kinh	20/10/2002	Đồng Tháp				
7	259	0022411973	Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	Nữ	Kinh	12/10/2003	Tiền Giang				
8	260	0021310069	Lê Huỳnh Thảo Vy	Nữ	Kinh	09/12/2003	Đồng Tháp				
9	261	0021411060	Phan Nguyễn Thuý Vy	Nữ	Kinh	31/8/2003	Tiền Giang				
10	262	087094015601	Nguyễn Quốc Vỹ	Nam	Kinh	13/01/1994	Đồng Tháp				
11	263	0021411062	Huỳnh Thu Xuân	Nữ	Kinh	01/6/2003	Đồng Tháp				
12	264	0022411722	Bùi Thị Như Ý	Nữ	Kinh	14/7/2003	Đồng Tháp				
13	265	0021411070	Đặng Thị Như Ý	Nữ	Kinh	11/9/2003	Đồng Tháp				
14	266	0021411077	Huỳnh Thị Như Ý	Nữ	Kinh	04/01/2003	Tây Ninh				
15	267	0022410921	Nông Thị Như Ý	Nữ	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp				
16	268	0022411387	Phạm Thị Như Ý	Nữ	Kinh	04/11/2004	Đồng Tháp				
17	269	0021413646	Trương Thị Như Ý	Nữ	Kinh	25/5/2003	Đồng Tháp				
18	270	0021310073	Huỳnh Thị Hải Yến	Nữ	Kinh	07/8/2002	Đồng Tháp				
19	271	0021310071	Lê Thị Kim Yến	Nữ	Kinh	04/11/2003	Đồng Tháp				
20	272	0020410010	Nguyễn Kim Bảo Yến	Nữ	Kinh	18/01/2001	Đồng Tháp				
21	273	0021310072	Nguyễn Thị Bảo Yến	Nữ	Kinh	17/02/2003	Đồng Tháp				
22	274	0021411098	Trần Thị Kim Yến	Nữ	Kinh	09/01/2003	Đồng Tháp				
23	275	0020310015	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	Kinh	13/4/2001	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			
24	276	0022412439	Ngô Thị Ngọc Gân	Nữ	Kinh	05/9/2004	An Giang	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
25	277	0019410036	Lâm Thị Mỹ Hạnh	Nữ	Kinh	01/01/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
26	278	0022410596	Huỳnh Thị Kim Hòa	Nữ	Kinh	11/11/2004	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
27	279	0020410320	Lê Thị Hoài	Nữ	Kinh	04/9/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
28	280	0019410468	Võ Thị Kim Hường	Nữ	Kinh	11/01/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
29	281	0020410923	Nguyễn Thị Phương Nhi	Nữ	Kinh	11/9/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
30	282	0019410431	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	13/02/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
31	283	0020310044	Võ Ngọc Trinh	Nữ	Kinh	29/12/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			

Tổng số thí sinh: 31